

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 905/QĐ-UBND ngày 24/03/2011 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nội Tiết Thanh Hoá”; số 170/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1492/TTr-SNNMT ngày 04/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa (địa chỉ: Số 476 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa tại số 476 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 476 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 2027/TH-GPHĐ ngày 15/7/2025 do Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế: 2800752958

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích đất của cơ sở: 5.962 m².

- Nhóm dự án: Cơ sở có quy mô tương đương với dự án nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, có tổng mức đầu tư 36.961.621.147 đồng.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất hoạt động của cơ sở: 240 giường bệnh (theo Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa), số giường bệnh tính toán lưu lượng xả nước thải tối đa 250 giường bệnh.

- Quy trình hoạt động của cơ sở: Bệnh nhân đến khám, chữa bệnh → Hướng dẫn làm thủ tục → Khoa khám bệnh → Bệnh nhân nhập viện (điều trị tại các khoa phòng); bệnh nhân không nhập viện → Làm thủ tục xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép đối với các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**

(từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/12/2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Đông Quang và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Đông Quang;
- Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- **Nguồn số 01:** Nước thải phát sinh từ Khối nhà hành chính quản lý và điều trị nội trú (7 tầng - nhà B) phía Bắc bệnh viện bao gồm: nước thải từ các nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) được thu gom và xử lý qua bể tự hoại, nước thải rửa dụng cụ y tế, nước thải sinh hoạt (tắm, rửa, giặt giũ) → D300, $L_{D300} = 23,5m$ → Hồ ga → HTXL nước thải tập trung công suất 110 m³/ngày.đêm.

- **Nguồn số 02:** Nước thải phát sinh từ khu nhà khám bệnh 04 tầng (nhà A), phòng khám, phòng hành chính khoa được, nhà khoa dinh dưỡng, Khối nhà hành chính quản lý và điều trị nội trú (7 tầng - nhà B) phía Nam Bệnh viện bao gồm: nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), Nước thải rửa dụng cụ y tế, nước thải nấu ăn; nước thải rửa tay, chân → D110, $L_{D110} = 6,5m$ và D300, $L_{D300} = 120,8m$ → Hồ ga → HTXL nước thải tập trung công suất 110 m³/ngày.đêm

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất: 96 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước chung dọc đường Hải Thượng Lãn Ông phía trước Bệnh viện sau đó ra Kênh Nhà Lê.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X= 2187907 (m); Y= 580678 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 96 m³/ngày.đêm, (24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031, dòng nước thải xả ra môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 28: 2010/BTNMT (cột B, với hệ số k = 1,2)
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	12
7	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	12
8	Hàm lượng N/NO ₃ ⁻	mg/l	60
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột C, áp dụng đối với lưu lượng xả thải $F \leq 2000 \text{ m}^3/\text{ngày}$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤80		
3	COD	mg/l	≤130		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤120		
5	Sunfua (S ²⁻) (tính theo H ₂ S)	mg/l	≤1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤12		
7	Tổng N	mg/l	≤60		
8	Tổng P	mg/l	≤10		
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	≤5		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
	anion				
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤ 5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý.

- *Tuyến số 1:* Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 → Đường ống PVC, $L_{D300}=23,5\text{ m}$ → Hồ ga → Trạm xử lý nước thải tập trung $110\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- *Tuyến số 2:* Nước thải phát sinh từ nguồn số 02 → Đường ống PVC, $L_{D110}=6,5\text{ m}$ và D_{300} , $L_{D300}=120,8\text{ m}$ → Hồ ga → Trạm xử lý nước thải tập trung $110\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ.

- 05 Bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh của 02 khu nhà với tổng thể tích 114 m^3 .

+ Nhà 07 tầng: 04 bể, Thể tích $88,0\text{ m}^3$

+ Nhà 04 tầng: 01 bể, Thể tích $26,0\text{ m}^3$

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung: Công suất $110\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Tóm tắt quy trình công nghệ của Trạm xử lý: Bể tập trung, điều hoà nước thải → Bể sinh học kỵ khí → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng.

- Công suất thiết kế: $110\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: Javen (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hồ ga; bể tự hoại; của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

+ Mương rãnh, hồ ga: 03 tháng/lần.

+ Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể thu gom; bể chứa bùn (1

lần/năm).

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện. Cụ thể:

- + Tại hố ga: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn nước vào hệ thống.

- + Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điều chế hóa chất khử trùng, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

- + Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, Bệnh viện thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Bệnh viện hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, cơ sở không thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra và lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành của Trạm xử lý nước thải tập trung (ghi rõ số chỉ đồng hồ hàng ngày, hóa chất sử dụng, thời điểm sửa chữa, thay

thể đồng hồ (nếu có)...); lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung ra môi trường.

3.4. Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.5. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Bệnh viện phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND Phường Đông Quang để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026, Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Kể từ ngày 01/01/2027, Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày Từ 6 giờ đến 18 h00	Tối Từ 18h00 đến trước 22h00	Đêm 22h00 đến trước 06h00		
1	50	45	40	-	Khu vực A

+ Độ rung:

TT	Khoảng thời gian		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Ngày (6:00 đến trước 22:00)	Đêm 22:00 đến trước 6:00	Không thực hiện	Khu vực A
	60	55		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).

- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

+ Để máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại cơ sở:

1.1. Khối lượng, danh mục, mã chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại			5.189
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	5.168
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	8,0
3	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất (<i>Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm</i>)	Rắn	13 01 05	14,0
4	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng	13 01 03	4,0
5	Chất thải y tế vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân, cadimin	Rắn	13 03 02	3,0
II	Chất thải nguy hại khác			15,5
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	02
7	Pin, ác quy thải	Rắn	16 01 12	02
8	Bao bì cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composite)	Rắn	18 01 04	11,5
Tổng khối lượng				5.204,5

1.2. Chất thải nguy hại phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung	06 05 02	5000

- Phương thức quản lý: Bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng phân tích hàm lượng chất thải nếu vượt quy chuẩn về CTNH, hợp đồng xử lý theo CTNH, nếu không vượt, xử lý như chất thải thông thường. Nếu không thực hiện phân tích thì xử lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, danh mục chất thải rắn thông thường (phát sinh từ sinh hoạt và hoạt động khám chữa bệnh).

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn thông thường không tái chế	120.000
2	Chất thải thông thường tái chế (như: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa, giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, chai lọ nhựa, kim loại...)	6.000
Tổng		126.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

STT	Loại thiết bị/công trình	Thể tích diện tích	Số lượng
1	Thùng chứa chất thải lây nhiễm 15 lít	15 lít	13
2	Thùng chứa chất thải lây nhiễm 240 lít	240 lít	01
3	Hộp chứa chất thải lây nhiễm 3,0 lít	3,0 lít	20
4	Hộp chứa chất thải lây nhiễm 20 lít	20 lít	05
5	Thùng chứa chất thải không lây nhiễm 240 lít	240 lít	01

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu

gom CTNH dạng lỏng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

STT	Loại thiết bị/công trình	Thể tích/diện tích	Số lượng
1	Chất thải rắn TT không tái chế	15 lít, 120 lít 180 lít, 240 lít	20 thùng 15 lít, 20 thùng 120 lít, 03 thùng 180 lít, 01 thùng 240 lít
2	Chất thải rắn TT có thể tái chế	240 lít	02

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Chất thải có thể tái chế lưu giữ tại khu có diện tích 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái tôn, tường tôn bao xung quanh.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, y tế thông thường và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút ẩm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Tại các khu nhà vệ sinh: đảm bảo hoạt động tốt các quạt hút đã lắp đặt để hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để điều hòa vi khí hậu cho bệnh viện.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Đảm bảo bố trí máy phát điện cách xa các tòa nhà khám chữa bệnh, sử dụng nhiên liệu sạch đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của bệnh viện. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.